

# **Kinh Bát Đại Nhân Giác Lược Giải**

**Hậu Hán Sa Môn An Thế Cao dịch**

**Minh Ngẫu Ích Thích Trí Húc giải**

**Việt dịch: TT Thích Thiện Huệ**

Toàn văn phân ra làm ba, trước là nêu chung, thứ là giải riêng, sau cùng là kết luận.

## **Nay nói phần đầu:**

**Là đệ tử Phật, phải ngày lẫn đêm, chí tâm tụng niệm, Tám Điều Giác Ngộ của bậc đại nhân.**

Bất kể tại gia, xuất gia, hễ đã quy y nơi Phật, đều là đệ tử Phật. Đã là đệ tử Phật, ắt phải hằng tu Tám Điều Giác Ngộ này. Nói cả ngày lẫn đêm để nêu rõ công phu không gián đoạn. Bảo chí tâm là chỉ sự chân thành tha thiết. Lại nói tụng niệm, để hiển bày văn nghĩa thuần tịnh, ghi nhớ không quên vậy. Tám Điều Giác Ngộ, sẽ chú thích trong văn kết thân.

## **Thứ hai giải riêng tám điều:**

**- Trước nhất giác vô thường vô ngã:**

**Giác ngộ thứ nhất: Thế gian vô thường, quốc độ mong manh, tứ đại khổ không, năm ấm vô ngã, sinh diệt đổi dời, hư ngụy không chủ, tâm là nguồn ác, thân là mọi tội, quán sát như vậy, xa dần sinh tử.**

Đây là cửa đầu nhập đạo, trước bày pháp ngã pháp hai chấp. Trước tiên, quán thế gian vô thường, quốc độ mong manh, như các thứ bờ cao thành hồ, hang sâu hóa gò, quán như vậy, ắt nơi y báo (1) không còn tham cầu. Thứ đến do bốn đại quán thân, đất nước gió lửa gây hại lẫn nhau, nên có 404 bệnh khổ. Đại nào cũng không thật tính, nên cứu cánh đều không. Lại do năm uẩn quán tâm, thọ tướng hành thức hợp cùng sắc thân gọi là năm ấm, thọ tướng hành thức hợp cùng sắc thân gọi là năm ấm, nơi đây thực chẳng có ngã và ngã sở, chỉ là pháp sanh diệt biến hoại đổi dời trong từng sát na, không thật nên hư ảo, chẳng chân thành giả ngụy. Chỉ do nơi các tướng đổi thay nên thật không chủ, do vậy nơi chánh báo (2) không khởi tâm tham đắm. Lại thân tâm chính báo này, dẫu ta có yêu mến nó, cũng chỉ luống công chẳng được lợi ích, mà còn do vừa mê sáu trần duyên cảnh, cho là tướng tự tâm, tâm lập tức trở thành cội gốc của tội ác. Vừa mê bốn đại tướng tượng của tự thân, thân liền thành chỗ chứa mọi tội lỗi. Nếu không xét thấu điều này, tất hại cho sự an lành vô cùng. Có quán sát được vậy, ắt hai chấp thân tâm giảm nhẹ, đó là phương tiện thứ nhất xa dần sinh tử.

**- Thứ hai giác thường tu thiểu dục:**

**Giác tri thứ nhì: Đa dục là khổ, sinh tử nhọc nhằn, do tham dục khởi, thiểu dục vô vi (3), thân tâm tự tại.**

Đã do điều giác ngộ thứ nhất hàng phúc kiến hoặc (4) nay lại do điều giác ngộ thứ hai hàng phục tử hoặc (5) vậy. Tự hoặc tuy nhiều, dục tham đứng đầu, hễ tu thiểu dục, tắt ngộ vô vi mà được tự tại.

**- Thứ ba giác tri túc thủ đạo.**

**Giác tri thứ ba: Tâm không chán đủ, chỉ hay đa cầu, tăng trưởng tội ác, Bồ Tát không vậy, thường niệm tri túc, an bản giữ đạo, Huệ là sự nghiệp.**

Đã tu thiểu dục, nên tu tri túc, bằng cách chuyên tâm nơi huệ nghiệp vậy. Người đa dục không tri túc, ngăn che trí huệ vô cùng. Nay nơi thiểu dục, lại thêm tri túc, tắt huệ nghiệp tự nhiên thăng tiến.

**Thứ tư thường hành tinh tiến:**

**Giác tri thứ tư: Giải đãi đọa lạc, thường hành tinh tiến, phá ác phiền não, hàng phục bốn ma, ra khỏi nhà ngục ám giới.**

Phàm gọi là thiểu dục tri túc, chính là muốn tự xét sức mình để làm các việc. Nếu mượn cố tri túc mà ngồi trong hầm giải đãi, tắt đọa lạc càng sâu, nên phải thường hành tinh tiến để phá trừ hai món phiền não kiến tử. Trừ ma phiền não, tắt hàng phục được hết ám ma, tử ma (6), có như vậy mới ra khỏi nhà ngục ngũ ám thập bát giới (7).

**-Thứ năm giác đa văn trí huệ.**

**Giác ngộ thứ năm: Sinh tử ngu si, Bồ Tát thường niệm, quảng học đa văn, tăng trưởng trí huệ, thành tựu biện tài, giáo hóa hết thầy, khiến được vui lớn.**

Tuy nói tinh tiến, mà không quảng học đa văn để tăng trưởng trí huệ, tắt thành cái lỗi ám chứng (8), lại có nghe mà không huệ, như đem lửa tự đốt; có huệ mà thiếu nghe, như cầm dao tự cắt. Nghe (Văn) và Huệ phải đầy đủ, mới tự lợi lợi tha.

**-Thứ sáu giác bồ thí bình đẳng.**

**Giác tri thứ sáu: Nghèo khổ đa oán, thường kết ác duyên, Bồ Tát bồ thí, oán thân bình đẳng, không nhớ ác cũ, không ghét ác nhân.**

Tuy có trí huệ mà không phúc đức, cũng không sao tự lợi lợi tha, nên cần hành đủ tam đàn vậy. Biết nghèo khổ nhiều oán trái, nên hành bố thí, đó là tài thí. Rõ oán thân nên bình đẳng, mà không nhớ ghét, tức vô úy thí. Pháp thí như văn trên đã nói, nay thêm tài thí và vô úy thí để đủ tam đàn vậy.

#### **-Thứ bảy giác xuất gia phạm hạnh.**

**Giác ngộ thứ bảy: Năm dục tội lỗi, tuy là tục nhân, không nhiễm dục lạc thế gian, thường niệm pháp thí, ba y một bát, chí nguyện xuất gia, thủ đạo thanh bạch, phạm hạnh cao vời, từ bi mọi loài.**

Tuy trí huệ phúc đức, nếu không dứt hẳn ngũ dục gia đình, ắt không sao thiêu long Tam Bảo, thụ trì Phật pháp. Phải biết ba đời chư Phật, chưa từng không thị hiện thân xuất gia mà thành đạo cả. Tam y (9), một là An Đà Hội, hai là Ưu Đa La Tăng, ba là Tăng Già Lê. Nên tuy cư thân xuất gia mà không giữ đạo thanh bạch, phạm hạnh cao vời, từ bi với muôn loài, tất chỉ là gã trộm Phật hình nghi, càng gây thêm tội, phải hiểu rõ như vậy.

#### **-Thứ tám giác đại tâm phổ tế.**

**Giác tri thứ tám: Sinh tử thiêu đốt, khổ não vô cùng, phát tâm đại thừa, cứu vớt hết thảy, nguyện thay chúng sanh, chịu vô lượng khổ, khiến mọi chúng sanh, tắt cánh an lạc.**

Tuy đã xuất gia, không phát tâm Đại thừa rộng độ, tất từ tâm không trọn, không phát tâm chịu khổ thay chúng sanh, ắt từ tâm không vẹn. Từ bi trọn đủ mới thức là người con chấn hương gia nghiệp nhà Phật.

#### **Phân kết thán:**

Tám điều như vậy, là chỗ giác ngộ của Bạc Đại Nhân, chư Phật bỏ Tát tinh tấn hành đạo từ bi tu huệ, ngồi thuyền pháp thân đến bờ Niết Bàn lại vào sinh tử độ thoát chúng sanh, dùng tám điều này khai đạo tất cả, khiến các chúng sanh rõ sinh tử khổ, xả bỏ ngũ dục, tu tâm thánh đạo. Nếu đệ tử Phật, trong hàng mỗi niệm, tụng tám điều này, diệt vô lượng tội, tiến đến Bồ Đề, tốc chứng chính giác, vĩnh đoạn sanh tử, thường trụ khoái lạc.

Từ Tu Tám điều như vậy trở xuống đến chữ thứ 16, kết thành danh nghĩa. Từ Tinh Tiến hành đạo trở xuống đến chữ thứ 16, kết thành công đức tự giác. Thuyền Pháp thân chỉ cho đức tánh giác ngộ, bờ Niết Bàn hiển bày chỗ tu đức. Từ Lại vào sinh tử độ thoát chúng sanh trở xuống đến chữ thứ 32 (tu tâm thánh đạo), kết thành công đức giác tha, chỉ có tự giác mới giác tha được. Từ Nếu đệ tử Phật cho hết phần kết thán, kết thành công đức tụng niệm. Đã thường tụng

văn này, tất khéo hiểu chân ý nghĩa, nhờ khéo tư duy nghĩa này, mà có thể tự giác giác tha. Do vậy diệt tội lỗi và đoạn trừ sinh tử khổ, hướng đến bờ giác và chúng được sự an lạc vĩnh hằng.

### **Chú Thích Kinh Bát Đại Nhân Giác**

1. Y Báo: Y báo và chánh báo gọi chung là nhị báo. Y báo còn gọi là Y quả, tức quốc độ, thế giới, nhà cửa, khí cụ các thứ, do nghiệp đời trước mà chúng sanh cảm được, thân của chúng sanh nương các thứ này mà tồn tại, nên gọi là Y báo.
2. Chính báo: Còn gọi là Chính quả, tức thân ngũ uẩn, chúng sanh do nghiệp đời trước mà cảm được thân này, đó là quả báo chính, nên gọi là chính báo (xem Hoa Nghiêm Đại số 1)
3. Vô Vi:
4. Kiến tư: Là Kiến hoặc và Tư hoặc, còn gọi là Kiến Ái, Kiến Tu, Tứ Trụ, Nhiễm Ô Vô Tri, Chi Mạt Vô Minh, Thông Hoặc, Giới Nội Hoặc, đều khái quát gọi chung phiền não của Tam Giới.
  1. Kiến Hoặc: Các loại vọng kiến, phân biệt và suy lường lệch lạc của các đạo lý, mà phát sanh ra các thụ vọng hoặc như Ngã Kiến, Biên Kiến.
  2. Tư Hoặc: Các mê tình như Tham, Sân, Si, các vọng hoặc phát khởi do tư lự các sự vật ở thế gian.

Như vậy dựa theo sự mê chấp, gọi là Kiến hoặc là Lý hoặc, Tư Hoặc là Sự Hoặc. Vì Kiến hoặc là những thứ tà tưởng, thường kiên, ngã kiến phát sanh bởi sự mê làm chân lý, vô thường, vô ngã, và vì Tư hoặc là những vọng tình tham sân si phát sinh do sự mê nhiễm sắc thanh của các sự vật ở thế gian. Song phân Kiến, hoặc, Tư Hoặc theo mê lý và mê sự, là theo Pháp Tướng của Tiểu Thừa Câu Xá. Còn theo Pháp Tướng của Đại Thừa Duy Thức, thì phân loại theo hai thứ Phân Biệt khởi và Câu Sinh khởi. Hai chương phiền não là sở tri do Phân Biệt khởi là Kiến hoặc, hai chương phiền não và sở tri do Câu Sinh Khởi là Tư Hoặc. Lại gọi là Kiến vì gồm hai nghĩa.

a) Các hoặc bị đoạn trừ khi chiếu kiến chân lý, nên gọi là kiến hoặc

b) Kiến có nghĩa suy lường, hoặc này lấy suy lường làm tính, nên gọi là kiến hoặc.

Tư cũng có hai nghĩa:

a) Một khi đã kiến thấy chân lý đoạn kiến hoặc rồi, lại tư duy tu tập chân lý để đoạn hoặc này, nên gọi là tư hoặc.

b) Vì tư duy thế gian, vọng chấp sự vật mà khởi hoặc nên gọi là tư hoặc.

Cả hai hoặc này là nhân chính thọ sinh tử trong tam giới, đoạn hai hoặc này mới thoát được sanh tử trong tam giới. Đoạn hoặc cũng theo thứ tự, trước đoạn kiến hoặc, sau đoạn tư hoặc. Kiến hoặc có tính mãnh lợi, khi kiến (thấy) để lý liền đoạn sạch. Còn tính hoặc có tính độn muội, phải nhiều lần tư duy để lý mới từ từ đoạn được. Vị đoạn kiến hoặc gọi là kiến đạo, vị đoạn tư hoặc gọi là tu đạo. Vị đoạn cả hai hoặc gọi là Vô Học đạo.

Thiên Thai Tông quy kết hết bảy vọng hoặc làm ba thứ:

- a) Kiến Tư là chướng ngại Niết Bàn.
- b) Trần Sa là chướng ngại Bồ Đề.
- c) Vô Minh là chướng ngại Trung Đạo thật tướng.

5. Tư

Hoặc:

6. Âm ma, Thiên ma, Tử Ma: Gọi là Tam Ma. Chỉ trì tập âm nghĩa giải thích Tam Ma như sau:

1) Phiền não ma: Chỉ hết bảy vọng hoặc trong Tam giới, các vọng hoặc này nhiều loạn tâm thần hành giả, khiến không thành tựu Bồ đề được, nên gọi là Phiền não ma. Ngũ ấm ma được nhiếp trong ma này.

2) Thiên ma: Tức trời thứ sáu của dục giới. Nếu người nào muốn cần tu các thắng thiện để siêu xuất sinh tử của Tam giới, ắt bị Thiên ma này chướng ngại, tạo nên đủ nhiều loạn, khiến hành giả không thể thành tựu được thiện căn xuất thế. Gọi đó là Thiên ma.

3) Tử ma: Chỉ bốn đại phân tán, cái chết ngăn chặn sự kéo dài huệ mệnh, nên gọi là Tử ma.

Lại Trí Độ Luận quyển năm và Nghĩa Lâm Chương quyển sáu gọi Phiền Não ma, Âm ma, Thiên ma và Tử ma là Tứ ma.

1) Phiền não ma: Các thứ phiền não tham dục, san khuê thường gây nhiễu hại thân tâm, nên gọi là Ma.

2) Âm ma: Hay còn gọi là ngũ chúng ma, tan dịch là Uẩn ma. Năm ấm thường sinh đủ mọi khổ não, nên gọi là Ma.

3) Tử ma: Sự chết hay đoạn mệnh căn của người nên gọi là Ma.

4) Thiên ma: Tức Tha Hóa Tự Tại Thiên Tử Ma, tân dịch là Tự Tại Thiên Ma, là ma vương của trời thứ sáu dục giới, thường phá ại các thiện sự của người, nên gọi là ma. Chỉ có ma này trong tứ ma là bốn pháp, còn ba thứ kia theo ý nghĩa mà gọi là ma.

7. Thập bát giới: Gồm lục căn (Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý). Lục trần: (Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), và lục thức (nhãn cho đến ý thức). Giới có hai nghĩa sai khác, vật này vật nọ không xen tạp được nhau. Đại Thừa Nghĩa Chương quyển tám mạt (Giới là phân giới, do các pháp có tính khác biệt gọi là "Giới"). Vì lục căn, lục trần, lục thức có tính cách khác biệt, nên gọi chung là 18 giới. Lại Câu Xá Luận quyển nhất nói: "Giới có nghĩa các loại pháp (pháp chủng tộc), như trong một núi có nhiều loại như đồng, sắt, vàng, ... gọi là đa giới (nhiều chất loại). Như vậy một thân hoặc một tương tục có đến 18 loại pháp chủng tộc, gọi là 18 giới. Hiểu theo nghĩa trên, giới của Tam giới và Thập Bát giới là giới theo Đa giới, không nên hiểu theo là pháp giới.

8. Âm Chướng: Chuyên lấy tọa thiền làm công phu, còn nơi văn nghĩa của nghĩa lý thì mờ ám.

9. Tam Y: Y phục do Phật chế phân làm ba loại:

1) Tăng Già Lê (Sanghati) dịch là Chú Tự Thời Y. Y này để mặc vào những lúc đại chúng tề tập truyền giới hay thuyết giới.

2) Uất Đa La Tăng (Uttarasanga) dịch là Thượng Y (y trên) mặc trên y An Đà Hội.

3) An Đà Hội (Antarvasaka) dịch là Trung Trước Y (áo mặc bên trong).

Sau này ba y được theo Điều, như An Đà Hội là Ngũ điều y, Uất Đa La Tăng là Thất Điều Y, và Tăng Già Lê là Cửu Điều trở lên, hay còn gọi là Đại y.